



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 01

Số 01 (01/01/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
THÀNH PHỐ		
07-12-2007	Nghị quyết số 14/2007/NQ-HĐND về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2008.	2
07-12-2007	Nghị quyết số 15/2007/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008.	23
07-12-2007	Nghị quyết số 16/2007/NQ-HĐND về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2008.	29

THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2007/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2008

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 3658/QĐ-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2008;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2007 và dự toán ngân sách thành phố năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 569/BCTT-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Về thực hiện ngân sách thành phố năm 2007**

Căn cứ Nghị quyết số 60/2006/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2007 và việc tổ chức, điều hành ngân sách của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố ghi nhận:

Trong năm 2007, Ủy ban nhân dân thành phố đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2007 và đã đạt những kết quả khả quan. Ước thu vượt dự toán, đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và nhiệm vụ chi

thường xuyên, chi cải cách tiền lương, chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh. Ủy ban nhân dân đã có những biện pháp huy động vốn bằng nhiều hình thức và đẩy mạnh xã hội hóa để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm của thành phố. Trong điều hành ngân sách có thường xuyên kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng, ngăn ngừa tiêu cực trong sử dụng ngân sách.

Điều 2. Thông qua dự toán phân bổ ngân sách năm 2008

1. Về thu, chi ngân sách

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 98.070,200 tỷ đồng bằng 25,8% dự toán năm 2007 và tăng 21,16% so ước thực hiện năm 2007.

Trong đó:

- Tổng thu ngân sách nhà nước phần nội địa: 50.043,000 tỷ đồng, tăng 21,85% dự toán năm 2007.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 37.475,000 tỷ đồng

- Thu từ dầu thô: 9.580,000 tỷ đồng

- Thu từ khí thiên nhiên: 972,200 tỷ đồng

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 18.594,757 tỷ đồng

Trong đó:

- Số thu phân chia cho ngân sách địa phương: 16.819,261 tỷ đồng

- Ghi thu ghi chi qua ngân sách: 820,000 tỷ đồng

- Bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 955,496 tỷ đồng

+ Chi đầu tư từ vốn ngoài nước: 695,000 tỷ đồng

+ Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác: 260,496 tỷ đồng

* Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận cho Ủy ban nhân dân thành phố huy động khoảng 11.500 tỷ đồng để chi đầu tư phát triển trong năm 2008.

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 18.594,757 tỷ đồng

Bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách: 16.819,261 tỷ đồng

- Ghi chi đầu tư phát triển từ nguồn thu của hoạt động sở xố kiến thiết và ghi chi duy tu thoát nước từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: 820,000 tỷ đồng

- Chi từ nguồn bổ sung theo mục tiêu của ngân sách Trung ương: 955,496 tỷ đồng

(Kèm theo Phụ lục số 01, 02, 03, 04)

2. Về phân bổ dự toán chi ngân sách

2.1 Tổng chi ngân sách địa phương năm 2008: 18.594,757 tỷ đồng

Cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 7.531,733 tỷ đồng

Trong đó: chi trả vốn gốc và lãi vay: 3.755,033 tỷ đồng

- Chi thường xuyên: 8.934,256 tỷ đồng

- Dự kiến bổ sung chênh lệch tăng lương: 513,272 tỷ đồng

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 65,000 tỷ đồng

- Dự phòng ngân sách: 595,000 tỷ đồng

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương: 955,496 tỷ đồng.

2.2 Phân bổ dự toán chi thường xuyên từ ngân sách thành phố cho từng cơ quan, sở, ban, ngành (Kèm phụ lục số 05); mức bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho từng quận, huyện (Kèm phụ lục số 06).

Điều 3. Trong quá trình điều hành thực hiện ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố lưu ý Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề sau:

1. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố giao nhiệm vụ thu chi ngân sách cho từng cơ quan, ban, ngành thành phố và các quận, huyện theo đúng quy định;

2. Phấn đấu thu đạt và vượt kế hoạch để đảm bảo cân đối chi theo kế hoạch. Tăng cường các biện pháp quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật, tập trung xử lý những khoản nợ đọng thuế.

3. Đa dạng phương thức huy động nguồn lực để đầu tư phát triển những dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Nguồn vốn vay, huy động phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, vệ sinh môi trường. Thực hiện đồng bộ cơ chế khoán chi, đấu thầu trong duy

tu giao thông, công viên cây xanh, vận chuyển hành khách bằng phương tiện công cộng để giảm dần việc chi từ ngân sách.

5. Đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

6. Việc điều hành sử dụng ngân sách phải theo đúng dự toán được duyệt và đúng Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao vai trò và trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị khi xây dựng dự toán năm.

Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện ngân sách đảm bảo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008

Đơn vị: Triệu đồng

Phần thu	Thực hiện năm 2006	Dự toán năm 2007	Ước thực hiện năm 2007	Dự toán năm 2008	So sánh				Phần chi	Thực hiện năm 2006	Dự toán năm 2007	Ước thực hiện năm 2007	Dự toán năm 2008	So sánh			
					3/1	3/2	4/2	4/3						3/1	3/2	4/2	4/3
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>					<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>				
I. Tổng thu NSNN trên địa bàn	70.630.792	77.959.500	83.435.000	98.890.200					Tổng chi ngân sách địa phương	21.633.245	15.710.902	22.554.524	18.594.757				
Tổng thu NSNN không kể GTGC	67.209.082	77.959.500	80.945.000	98.070.200	120,44	103,83	125,80	121,16	Tổng chi NSDP không kể ghi chi	18.211.535	15.710.902	20.854.524	18.594.757	114,51	132,74	118,36	89,16
1. Thu nội địa	34.327.083	41.069.500	41.600.000	50.043.000	121,19	101,29	121,85	120,30	Trong đó								
2. Thu từ dầu thô	6.398.430	6.090.000	6.090.000	9.580.000	95,18	100,00	157,31	157,31	1. Chi đầu tư phát triển	10.253.926	5.572.515	11.284.102	7.531.733	110,05	202,50	135,16	66,75
3. Thu từ khí thiên nhiên			255.000	972.200				381,25	Trong đó chi trả vốn và lãi vay	1.866.846	2.529.982	2.529.982	3.755.033	135,52	100,00	148,42	148,42
4. Thu từ xuất nhập khẩu	26.251.238	30.800.000	33.000.000	37.475.000	125,71	107,14	121,67	113,56	2. Chi thường xuyên	7.157.830	8.142.016	8.388.914	8.934.256	117,20	103,03	109,73	106,50
II. Thu NS địa phương	25.066.186	15.710.902	24.218.484	18.594.757					3. Nguồn kinh phí chi tăng lương	0	300.000	0	513.272		0,00	171,09	
1. Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp	14.400.822	14.054.531	15.772.355	16.819.261	109,52	112,22	119,67	106,64	4. Dự phòng ngân sách	0	620.000		595.000		0,00	95,97	
- Các khoản NSDP hưởng 100%	6.622.073	4.701.135	6.511.093	5.410.660	98,32	138,50	115,09	83,10	5 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	62.410	65.000	65.000	65.000	104,15	100,00	100,00	100,00

- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)	7.778.749	9.353.396	9.261.262	11.408.601	119,06	99,01	121,97	123,19	6. Chi từ nguồn bổ sung của NSTW	271.286	1.011.371	1.116.508	955.496		110,40	94,48	85,58
2. Bổ sung từ NSTW	271.168	1.011.371	1.821.458	955.496		180,10	94,48	52,46	Bao gồm:								
- Bổ sung các CTMT quốc gia		57.253	57.253	65.056		100,00	113,63	113,63	- Bổ sung các CTMT quốc gia		57.253	57.253	65.056		100,00	113,63	113,63
- Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước		765.000	765.000	695.000		100,00	90,85	90,85	- Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước		765.000	765.000	695.000		100,00	90,85	90,85
- Chi đầu tư thực hiện các chương trình, dự án quan trọng và nhiệm vụ khác		183.977	972.927	102.380		528,83	55,65	10,52	- Chi đầu tư thực hiện các chương trình, dự án quan trọng và nhiệm vụ khác		183.977	267.977	102.380		145,66	55,65	38,20
- Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện một số chế độ, chính sách theo chế độ quy định		5.141	26.278	93.060		511,15	1.810,15	354,14	- Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện một số chế độ, chính sách theo chế độ quy định		5.141	26.278	93.060		511,15	1.810,15	354,14
3. Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	2.650.000	0	2.000.000	0	75,47			0,00	7. Chi chuyển nguồn KP sang 2007	466.083							
4. Thu kết dư	2.105.617					0,00			8. Ghi chi quản lý qua ngân sách	3.421.710		1.700.000					
5. Thu chuyển nguồn NS năm trước	2.216.869		2.134.671		96,29			0,00									
6. Các khoản ghi thu ghi chi	3.421.710	645.000	2.490.000	820.000													

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục số 02

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2008

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2007	Ước thực hiện năm 2007	Dự toán năm 2008
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
A	Ngân sách cấp Thành phố			
I	Nguồn thu ngân sách cấp Thành phố	13.560.036	21.177.506	15.653.761
1	Thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo phân cấp	11.903.665	13.071.083	13.878.265
	- Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	3.829.630	5.075.382	4.203.042
	- Các khoản thu phân chia phần NSTP hưởng theo tỷ lệ %	8.074.035	7.995.701	9.675.222
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.011.371	1.821.458	955.496
	- <i>Bổ sung cân đối</i>			
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	1.011.371	1.821.458	955.496
	trong đó: vốn XDCB ngoài nước	765.000	765.000	695.000
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	13.560.036	19.594.038	15.653.761
1	Chi thuộc nhiệm vụ của cấp Thành phố theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	12.228.870	17.135.977	14.302.623
2	Bổ sung cho ngân sách quận - huyện	1.331.166	2.458.061	1.351.138
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	1.319.996	1.319.996	1.339.968
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	11.170	1.138.065	11.170
B	Ngân sách cấp quận - huyện			
I	Nguồn thu ngân sách quận - huyện	3.482.032	5.499.039	4.292.135
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	2.150.866	2.701.272	2.940.998
	- Các khoản thu ngân sách quận - huyện hưởng 100%	871.505	1.435.711	1.207.618
	- Các khoản thu phân chia phần NS quận - huyện hưởng theo tỷ lệ %	1.279.361	1.265.561	1.733.380
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	1.331.166	2.458.061	1.351.138
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	1.319.996	1.319.996	1.339.968
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	11.170	1.138.065	11.170
II	Chi ngân sách quận - huyện	3.482.032	5.418.547	4.292.135

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2008

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	TH 2006	NĂM 2007		DỰ TOÁN 2008	So sánh			
		DT 2007	UTH 2007		UTH2007/ UTH2006	UTH2007/ DT2007	DT2008/ DT2007	DT2008/ UTH2007
A	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/2	8=4/3
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	70.630.792	77.959.500	83.435.000	98.890.200				
Tổng thu NSNN trên địa bàn trừ dầu thô	64.232.362	71.869.500	77.345.000	89.310.200				
A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN	67.209.082	77.959.500	80.945.000	98.070.200	<i>120,44</i>	<i>103,83</i>	<i>125,80</i>	<i>121,16</i>
I. Thu từ SXKD trong nước	34.327.083	41.069.500	41.600.000	50.043.000	<i>121,19</i>	<i>101,29</i>	<i>121,85</i>	<i>120,30</i>
<i>Thu từ khu vực kinh tế</i>	<i>24.679.233</i>	<i>32.525.900</i>	<i>31.964.000</i>	<i>39.635.000</i>	<i>129,52</i>	<i>98,27</i>	<i>121,86</i>	<i>124,00</i>
1.Thu từ DNNN Trung ương	6.904.458	8.421.700	7.629.300	8.820.000	<i>110,50</i>	<i>90,59</i>	<i>104,73</i>	<i>115,61</i>
- Thuế giá trị gia tăng	2.789.614	3.678.000	3.065.000	3.500.400	<i>109,87</i>	<i>83,33</i>	<i>95,17</i>	<i>114,21</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.443.567	1.700.000	1.457.000	1.758.700	<i>100,93</i>	<i>85,71</i>	<i>103,45</i>	<i>120,71</i>
<i>Trong đó: Hạch toán toàn ngành</i>	<i>145.359</i>	<i>130.000</i>		<i>140.000</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>107,69</i>	
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.661.909	3.040.400	3.094.300	3.546.400	<i>116,24</i>	<i>101,77</i>	<i>116,64</i>	<i>114,61</i>
- Thuế môn bài	2.316	2.300	2.200	2.200	<i>94,99</i>	<i>95,65</i>	<i>95,65</i>	<i>100,00</i>
- Thu sử dụng vốn	4.074	0		0	<i>0,00</i>			
- Thu nhập sau thuế thu nhập								
- Thuế tài nguyên	1.907		200	200	<i>10,49</i>			<i>100,00</i>
- Thu hồi vốn và thu khác	1.071	1.000	10.600	12.100	<i>989,73</i>	<i>1060,00</i>	<i>1210,00</i>	<i>114,15</i>
2. Thu từ DNNN địa phương	3.620.141	4.100.000	4.580.100	5.500.000	<i>126,52</i>	<i>111,71</i>	<i>134,15</i>	<i>120,08</i>

NỘI DUNG	TH 2006	NĂM 2007		DỰ TOÁN 2008	So sánh			
		DT 2007	U' TH 2007		UTH2007/ UTH2006	UTH2007/ DT2007	DT2008/ DT2007	DT2008/ UTH2007
- Thuế giá trị gia tăng	1.279.510	1.730.000	1.626.000	2.076.900	127,08	93,99	120,05	127,73
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.118.749	1.362.000	1.817.000	2.152.000	162,41	133,41	158,00	118,44
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	1.158.370	1.000.000	1.120.000	1.266.000	96,69	112,00	126,60	113,04
- Thuế tài nguyên	138	80	0	0	0,00	0,00	0,00	
- Thuế môn bài	3.935	3.000	3.150	3.100	80,05	105,00	103,33	98,41
- Thu sử dụng vốn	35.480	0	0	0	0,00			
- Thu sự nghiệp		0	0	0				
- Thu nhập sau thuế thu nhập	15.303	0	0	0	0,00			
- Thu hồi vốn và thu khác	8.656	4.920	13.950	2.000	161,16	283,54	40,65	14,34
3. Thu từ XN có vốn đầu tư nước ngoài	6.769.110	10.524.200	9.389.600	12.115.000	138,71	89,22	115,12	129,03
- Thuế giá trị gia tăng	2.148.896	4.037.000	3.075.000	4.086.000	143,10	76,17	101,21	132,88
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.448.218	3.795.000	3.935.000	5.149.900	160,73	103,69	135,70	130,87
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.060.722	2.662.200	2.321.000	2.815.000	112,63	87,18	105,74	121,28
- Thuế tài nguyên	758	800	800	800	105,54	100,00	100,00	100,00
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	97.820	20.000	50.000	55.000	51,11	250,00	275,00	110,00
- Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài	4.510	0			0,00			
- Thuế môn bài	4.392	4.100	4.250	4.300	96,77	103,66	104,88	101,18
- Các khoản thu khác	3.794	5.100	3.550	4.000	93,57	69,61	78,43	112,68
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	7.385.524	9.480.000	10.365.000	13.200.000	140,34	109,34	139,24	127,35
- Thuế giá trị gia tăng	3.194.695	4.090.000	4.730.000	6.010.500	148,06	115,65	146,96	127,07
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.705.227	4.955.000	5.119.940	6.584.440	138,18	103,33	132,88	128,60

NỘI DUNG	TH 2006	NĂM 2007		DỰ TOÁN 2008	So sánh			
		DT 2007	U' TH 2007		UTH2007/ UTH2006	UTH2007/ DT2007	DT2008/ DT2007	DT2008/ UTH2007
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	258.262	270.000	310.000	385.000	120,03	114,81	142,59	124,19
- Thuế tài nguyên	16	0	60	60	375,00			100,00
- Thuế môn bài	159.682	150.000	165.000	170.000	103,33	110,00	113,33	103,03
- Thuế chuyển thu nhập								
- Thu khác ngoài quốc doanh	67.642	15.000	40.000	50.000	59,13	266,67	333,33	125,00
Thu từ khu vực khác	9.647.850	8.543.600	9.636.000	10.408.000	99,88	112,79	121,82	108,01
5. Lệ phí trước bạ	892.935	1.091.000	1.295.000	1.540.000	145,03	118,70	141,15	118,92
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.131	0	1.000		88,42			0,00
7. Thuế nhà đất	89.299	77.600	80.000	80.000	89,59	103,09	103,09	100,00
8. Thuế thu nhập cá nhân	2.227.138	2.765.000	3.000.000	3.643.000	134,70	108,50	131,75	121,43
9. Thu xổ số kiến thiết	627.110							
10. Thu phí xăng dầu	853.558	1.020.000	950.000	1.045.000	111,30	93,14	102,45	110,00
11. Thu phí và lệ phí	735.680	530.000	785.000	850.000	106,70	148,11	160,38	108,28
- Phí và lệ phí trung ương								
- Phí và lệ phí địa phương								
12. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	255.501	240.000	390.000	420.000	152,64	162,50	175,00	107,69
13. Tiền sử dụng đất	1.629.191	1.590.000	1.650.000	1.500.000	101,28	103,77	94,34	90,91
14. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	352.938	180.000	360.000	400.000	102,00	200,00	222,22	111,11
15. Thu tiền bán nhà ở thuộc SHNN	697.377	300.000	600.000	300.000	86,04	200,00	100,00	50,00
16. Thu khác ngân sách	1.285.992	750.000	525.000	630.000	40,82	70,00	84,00	120,00
Trong đó: Thu khác tại xã	68.586	40.000	40.000	30.000	58,32	100,00	75,00	75,00

NỘI DUNG	TH 2006	NĂM 2007		DỰ TOÁN 2008	So sánh			
		DT 2007	U' TH 2007		UTH2007/ UTH2006	UTH2007/ DT2007	DT2008/ DT2007	DT2008/ UTH2007
II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng NK do Hải quan thu	26.251.238	30.800.000	33.000.000	37.475.000	<i>125,71</i>	<i>107,14</i>	<i>121,67</i>	<i>113,56</i>
Trong đó: + Thuế XK, NK, TTĐB	10.039.450	10.400.000	11.220.000	12.620.000	<i>111,76</i>	<i>107,88</i>	<i>121,35</i>	<i>112,48</i>
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.211.788	20.400.000	21.780.000	24.855.000	<i>134,35</i>	<i>106,76</i>	<i>121,84</i>	<i>114,12</i>
III. Thu từ dầu thô	6.398.430	6.090.000	6.090.000	9.580.000	<i>95,18</i>	<i>100,00</i>	<i>157,31</i>	<i>157,31</i>
IV. Thu từ khí thiên nhiên			255.000	972.200				<i>381,25</i>
B. Các khoản ghi thu ghi chi	3.421.710	0	2.490.000	820.000				
- Thu từ sổ xố kiến thiết			600.000	600.000				
- Thu từ bảo vệ môi trường từ phí nước thải			190.000	220.000				
- Ghi thu ghi chi	3.421.710		1.700.000					
TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	25.066.286	15.710.902	24.218.484	18.594.757	<i>96,62</i>	<i>154,15</i>	<i>118,36</i>	<i>76,78</i>
A. Các khoản thu cân đối NSDP	21.644.576	15.065.902	21.728.484	17.774.757	<i>100,39</i>	<i>144,22</i>	<i>117,98</i>	<i>81,80</i>
1. Thu được hưởng theo phân cấp	14.400.822	14.054.531	15.772.355	16.819.261	<i>109,52</i>	<i>112,22</i>	<i>119,67</i>	<i>106,64</i>
- Các khoản thu 100%	<i>6.622.073</i>	<i>4.701.135</i>	<i>6.511.093</i>	<i>5.410.660</i>	<i>98,32</i>	<i>138,50</i>	<i>115,09</i>	<i>83,10</i>
- Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	<i>7.778.749</i>	<i>9.353.396</i>	<i>9.261.262</i>	<i>11.408.601</i>	<i>119,06</i>	<i>99,01</i>	<i>121,97</i>	<i>123,19</i>
2. Thu bổ sung từ NSTW	271.268	1.011.371	1.821.458	955.496		<i>180,10</i>	<i>94,48</i>	<i>52,46</i>
3. Thu kết dư	2.105.617							
4. Thu huy động vốn đầu tư (trái phiếu đô thị)	2.650.000		2.000.000		<i>75,47</i>			
5. Thu chuyển nguồn NS năm trước	2.216.869		2.134.671		<i>96,29</i>			
B. Các khoản ghi thu ghi chi	3.421.710	645.000	2.490.000	820.000				

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	THỰC HIỆN 2006	DỰ TOÁN 2007	UTH NĂM 2007	So sánh		DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN 2008	So sánh	
				So DT 2007	So cùng kỳ 2006		So với DT 2007	So với UTH 2007
A	1	2	3	3/2	3/1	4	4/2	4/3
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐP	21.633.245	15.710.902	22.554.524			18.594.757		
TỔNG CHI TRỪ GTGC	18.211.535	15.710.902	20.854.524	<i>132,74</i>	<i>114,51</i>	18.594.757	<i>118,36</i>	<i>89,16</i>
<i>A. Chi cân đối ngân sách</i>	<i>17.940.249</i>	<i>14.699.531</i>	<i>19.738.016</i>	<i>134,28</i>	<i>110,02</i>	<i>17.639.261</i>	<i>120,00</i>	<i>89,37</i>
I. Chi Đầu tư phát triển	10.253.926	5.572.515	11.284.102	<i>202,50</i>	<i>110,05</i>	7.531.733	<i>135,16</i>	<i>66,75</i>
Chi trả vốn và lãi vay	1.866.846	2.529.982	2.529.982	<i>100,00</i>	<i>135,52</i>	3.755.033	<i>148,42</i>	<i>148,42</i>
Chi đầu tư phát triển	8.387.080	3.042.533	8.754.120		<i>104,38</i>	3.776.700	<i>124,13</i>	
<i>Trong đó chi từ nguồn XSKT</i>		<i>455.000</i>	<i>600.000</i>			<i>600.000</i>		
II. Chi Thường xuyên:	7.157.830	8.142.016	8.388.914	<i>103,03</i>	<i>117,20</i>	8.934.256	<i>109,73</i>	<i>106,50</i>
1. Chi sự nghiệp kinh tế	1.439.300	1.914.847	2.051.347	<i>107,13</i>	<i>142,52</i>	2.207.798	<i>115,30</i>	<i>107,63</i>
- SN nông lâm thủy lợi	<i>100.435</i>	<i>50.541</i>	<i>84.841</i>	<i>167,87</i>	<i>84,47</i>	<i>66.149</i>	<i>130,88</i>	<i>77,97</i>
- Duy tu giao thông	<i>382.808</i>	<i>545.200</i>	<i>587.900</i>	<i>107,83</i>	<i>153,58</i>	<i>736.200</i>	<i>135,03</i>	<i>125,23</i>
- SN kiến thiết thị chính	<i>714.065</i>	<i>1.037.011</i>	<i>1.078.511</i>	<i>104,00</i>	<i>151,04</i>	<i>1.153.961</i>	<i>111,28</i>	<i>107,00</i>
- Sự nghiệp kinh tế khác	<i>240.124</i>	<i>282.095</i>	<i>300.095</i>	<i>106,38</i>	<i>124,98</i>	<i>251.488</i>	<i>89,15</i>	<i>83,80</i>
2. Chi trợ giá các mặt hàng CS:	501.036	607.964	535.964	<i>88,16</i>	<i>106,97</i>	459.944	<i>75,65</i>	<i>85,82</i>
3. Chi SN nghiên cứu khoa học	117.760	149.879	133.879	<i>89,32</i>	<i>113,69</i>	155.784	<i>103,94</i>	<i>116,36</i>
4. Chi SN giáo dục và đào tạo	1.692.872	1.988.141	2.012.641	<i>101,23</i>	<i>118,89</i>	2.226.764	<i>112,00</i>	<i>110,64</i>

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	THỰC HIỆN 2006	DỰ TOÁN 2007	UTH NĂM 2007	So sánh		DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN 2008	So sánh	
				So DT 2007	So cùng kỳ 2006		So với DT 2007	So với UTH 2007
- Sự nghiệp giáo dục	1.321.758	1.624.269	1.644.269	101,23	124,40	1.828.652	112,58	111,21
- Sự nghiệp đào tạo	371.113	363.872	368.372	101,24	99,26	398.112	109,41	108,07
5. Chi sự nghiệp y tế	1.019.603	1.071.868	1.087.868	101,49	106,70	1.202.033	112,14	110,49
6. SN văn hóa thông tin	121.582	123.893	123.893	100,00	101,90	136.750	110,38	110,38
7. SN truyền thanh	17.457	17.000	17.000	100,00	97,38	17.000	100,00	100,00
8. SN thể dục thể thao	90.643	88.996	118.996	133,71	131,28	114.873	129,08	96,54
9. Chi đảm bảo xã hội	373.519	396.039	418.039	105,56	111,92	420.601	106,20	100,61
10. Chi quản lý hành chính	1.079.492	1.176.499	1.216.499	103,40	112,69	1.226.170	104,22	100,79
- Chi quản lý nhà nước	720.666	813.123	833.123	102,46	115,60	843.350	103,72	101,23
- Chi BS hoạt động của Đảng	148.466	174.230	184.230	105,74	124,09	190.216	109,18	103,25
- Chi hoạt động Đoàn thể	210.360	189.146	199.146	105,29	94,67	192.604	101,83	96,71
11. Chi khác	704.566	606.890	672.788	110,86	95,49	766.539	126,31	113,93
- An ninh quốc phòng	215.755	191.669	231.669	120,87	107,38	234.904	122,56	101,40
- Chi khác	488.811	415.221	441.119	106,24	90,24	531.635	128,04	120,52
III. Chi CC tiền lương	-	300.000				513.272	171,09	
IV. Dự phòng ngân sách	-	620.000				595.000	95,97	
V. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ TC	62.410	65.000	65.000	100,00	104,15	65.000	100,00	100,00
VI. Chi chuyển nguồn kinh phí thường xuyên sang năm 2007	466.083							
B. Chi từ nguồn BS có MT của NSTW	271.286	1.011.371	1.116.508	110,40	411,56	955.496	94,48	85,58
C. Ghi thu ghi chi	3.421.710		1.700.000					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục số 05

**TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2008
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	4.978.214	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố	37.293	
	- Văn phòng Thường trực HĐND	1.900	
	- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố	22.700	
	- Trung tâm Công báo	1.070	
	- Trung tâm Lưu trữ	601	
	- Trung tâm Tin học	11.022	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội	842	
3	Văn phòng Tiếp công dân	1.908	
4	Ban Chỉ đạo Nông nghiệp nông thôn	532	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74.019	
	- Chi cục QL chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.923	
	- Chi cục Kiểm lâm	4.960	
	- TT Nghiên cứu Khoa học và Khuyến nông	11.793	Dự phòng: 4.050
	- Chi cục Bảo vệ thực vật	6.873	
	- Chi cục Phát triển lâm nghiệp	4.200	
	- Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	1.810	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	2.160	
	- TT Qly & Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	2.500	
	- Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp	3.879	
	- Ban Quản lý Trung tâm thủy sản thành phố	500	
	- Văn phòng Sở	4.502	
	- TT Công nghệ sinh học	4.811	
	- TT Tư vấn & hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu KT nông nghiệp	1.608	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	3.633	NSTW: 800; NSTP: 2.833
	- Chi cục Thú y	8.923	Từ nguồn thu phí, lệ phí nộp ngân sách
	- Trợ giá bù giống gốc	3.460	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Bù hụt thu thủy lợi phí	6.484	
6	Sở Kế hoạch - Đầu Tư	7.836	Dự phòng: 1.000
7	Sở Tư pháp	11.757	
	- Phòng công chứng 1	1.074	
	- Phòng công chứng 2	920	
	- Phòng công chứng 3	600	
	- Phòng công chứng 4	750	
	- Phòng công chứng 5	850	
	- Phòng công chứng 6	793	
	- Phòng công chứng 7	949	
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	1.100	
	- Văn phòng Sở	4.721	
8	Sở Công nghiệp	11.744	
	- Trường Trung học Công nghiệp	6.213	
	- Văn phòng Sở	4.761	
	- TT Tư vấn & Hỗ trợ DN công nghiệp TP	770	
9	Sở Khoa học - Công nghệ	86.024	
	- Nghiên cứu khoa học	70.563	Dự phòng: 46.000
	- Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ	3.528	
	- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	2.283	
	- Văn phòng Sở	4.180	
	- Trung tâm Tiết kiệm năng lượng	892	
	- TT T/ kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	1.050	
	- TT Ứng dụng hệ thống thông tin Địa lý	2.000	
	- Viện KHCN tính toán	1.528	Dự phòng: 1.000
10	Sở Tài chính	18.902	
	- Văn phòng Sở	11.632	
	- Kinh phí các Ban Chỉ đạo, Hội đồng	7.270	
	+ KP hoạt động cho Ban Chỉ đạo 09	770	
	+ HD Đấu giá quyền sử dụng đất	2.500	
	+ Bộ phận chuyên trách thẩm định giá nhà xưởng	750	
	+ Tổ chuyên trách liên ngành thông báo & kiểm soát giá vật liệu xây dựng	450	
	+ HD đền bù và giải phóng mặt bằng	1.500	
	+ Ban Chỉ đạo xây dựng bảng giá đất	600	
	+ Tổ công tác liên ngành thẩm định giá bán quỹ nhà đất	700	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
11	Chi cục Tài chính doanh nghiệp	3.094	
	+ VP Chi cục Tài chính DN	2.644	
	+ Ban Chỉ đạo 13	450	
12	Sở Xây dựng	16.555	
	- Trường Trung học Xây dựng	3.207	
	- Văn phòng Sở	8.052	
	- Tạp chí Sài Gòn Đầu tư và Xây dựng	70	
	- Kinh phí sự nghiệp	1.800	
	- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ Xây dựng	3.426	
13	Thanh tra xây dựng	3.590	
14	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	9.777	
	- Văn phòng Sở	6.837	
	- Trung tâm Thông tin quy hoạch	1.660	
	- Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc	1.280	
15	Sở Thương mại	30.382	
	- Văn phòng Sở	4.435	
	- Chi cục Quản lý thị trường TP	25.947	
16	Sở Giao thông - Công chính	1.305.609	
	- Khu Đường sông	7.415	
	- Thanh tra Sở Giao thông - Công chính	8.800	
	- TT Quản lý điều hành VT hành khách CC	1.040	
	- Ban Quản lý các bến xe vận tải hành khách	3.886	
	- Cảng vụ Đường thủy nội địa	4.733	
	- Trường Trung học Giao thông công chính	2.760	
	- Văn phòng Sở	8.096	Từ số thu được để lại theo quy định
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	1.000	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	2.110	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 3	2.346	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	2.031	
	- TT Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	778	
	- Thảo cầm viên	16.614	
	- Duy tu bảo quản công viên cây xanh	90.000	
	- Kinh phí khôi duy tu giao thông	644.000	
	+ Duy tu cầu	60.000	
	+ Duy tu cầu đường	250.000	
	+ Duy tu chiếu sáng công cộng	100.000	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	+ Duy tu thoát nước	220.000	
	+ Duy tu đường sông	10.000	
	+ Duy tu đò phà	4.000	
	- Thanh toán tiền điện chiếu sáng công cộng	60.000	
	- Trợ giá vé xe buýt	450.000	
17	Kinh phí sự nghiệp Giáo dục đào tạo	575.225	
17.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	505.637	
	- SN Giáo dục	364.102	Dự phòng: 36.500
	- SN Đào tạo	127.687	
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	6.500	
	- Văn phòng Sở	7.348	
17.2	Trường Đại học Sài Gòn	69.588	
18	Trường Cán bộ TP	4.200	
19	Sở Y tế	928.106	
	- Sự nghiệp Y tế	747.845	Dự phòng: 12.750
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	38.911	(NSTW: 17.011, NSTP: 21.900)
	- Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	22.000	
	- TT Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế	12.210	
	- Văn phòng Sở	7.140	
	- Quỹ Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	100.000	
20	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	209.453	
	- Hoạt động xã hội khác	141.706	
	- Bệnh viện Bình Triệu	2.600	
	- Hoạt động chính sách người có công	7.000	
	- Văn phòng Sở	10.240	
	- Trường Cao đẳng nghề TP	7.300	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	2.910	
	- Ban Chỉ đạo XĐGN và việc làm	1.884	
	- Quỹ 156	1.000	
	- Chi cục Phòng chống tệ nạn XH	2.800	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	12.013	Ngân sách Trung ương
	- Dự phòng chi sự nghiệp xã hội	20.000	
21	Sở Văn hóa và Thông tin	97.745	
	- Sự nghiệp nghệ thuật	25.358	
	- Trung tâm Thông tin triển lãm	4.524	
	- Hoạt động văn hóa khác	26.061	Dự phòng: 10.000
	- Bảo tồn bảo tàng	24.330	Dự phòng: 5.000

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Thư viện Khoa học tổng hợp	5.770	
	- Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	3.740	
	- Trợ giá văn hóa phẩm	500	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	1.250	
	- Văn phòng Sở	6.212	
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	755.590	
	- Văn phòng Sở	9.464	
	- Kinh phí sự nghiệp	55.809	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	8.946	
	- TT Thông tin TNMT và đăng ký nhà đất	11.752	
	- Chi cục Bảo vệ môi trường	16.979	
	- Ban Qly các Khu liên hợp xử lý chất thải TP	2.640	
	- Dịch vụ vệ sinh môi trường	650.000	
23	Sở Bưu chính, Viễn thông	54.152	
	- Sự nghiệp bưu chính, viễn thông	50.000	
	- Ban Quản lý các dự án công nghệ thông tin	406	
	- Văn phòng Sở	3.746	
24	Sở Nội vụ	11.344	
	- Văn phòng Sở	4.144	Dự phòng: 500
	- Đề án chính quyền đô thị	1.000	
	- Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính	1.000	
	- Kinh phí đào tạo	5.200	
25	Thanh tra TP	7.518	
26	Đài Tiếng nói nhân dân	14.000	
27	Ban Thi đua - Khen thưởng	16.100	
	Trong đó: KP khen thưởng: 15.000 triệu		
28	Liên minh Hợp tác xã	1.320	
29	Sở Du lịch	2.781	
30	Sở Thể dục - Thể thao	140.597	
	- Sự nghiệp Thể dục thể thao	80.877	
	- Trường Nghiệp vụ TDTT	45.300	
	- Trường THPT Năng khiếu TDTT	800	
	- Văn phòng Sở	3.620	
	- Chương trình Đào tạo nguồn nhân lực	10.000	
31	Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em	7.529	
	- Văn phòng UB Dân số - Gia đình và Trẻ em	2.332	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	5.093	NS Trung ương: 3.419

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Kinh phí in thẻ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	104	
32	Kinh phí hoạt động Đảng	196.438	
	- Kinh phí đào tạo	25.000	
	- Đào tạo Tiến sĩ - Thạc sĩ trẻ	40.000	
	- Kinh phí hoạt động Đảng	131.438	
33	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.769	
34	Thành đoàn	15.725	
	- Trường đoàn Lý Tự Trọng	1.200	
	- Trường Bổ túc Văn hóa Thành đoàn	550	
	- Nhà Văn hóa thanh niên	1.900	
	- Nhà Thiếu nhi thành phố	2.196	
	- Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên	320	
	- Nhà Văn hóa sinh viên	750	
	- TT Sinh hoạt dã ngoại Thanh thiếu niên TP	645	
	- Văn phòng Thành đoàn	7.584	
	- TT Hỗ trợ Thanh niên công nhân	170	
	- Ký túc xá sinh viên Lào	410	
35	Hội Liên hiệp Phụ nữ	3.148	
36	Hội Nông dân	2.642	
	- Hội nông dân	2.014	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	100	
	- Trung tâm Hỗ trợ nông dân	528	
37	Hội Cựu Chiến binh	1.510	
38	Ban Quản lý Khu công nghệ cao	9.592	
	- Ban QL Khu công nghệ cao	6.034	
	- Trung tâm đào tạo	962	Dự phòng: 300
	- Trung tâm nghiên cứu triển khai	1.962	Dự phòng: 800
	- Kinh phí vườn ươm doanh nghiệp	634	Dự phòng: 100
39	Ban QL Khu Nông nghiệp công nghệ cao	3.965	
	- Ban QL Nông nghiệp Khu công nghệ cao	1.150	
	- Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển nông nghiệp công nghệ cao	2.815	
40	Viện Kinh tế	6.780	
41	Viện Nghiên cứu xã hội	2.956	Dự phòng: 650
42	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	1.220	
43	Lực lượng Thanh niên xung phong	104.685	

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm 2008	Ghi chú
	- Trường giải quyết việc làm, Tổng đội 1, Cụm công nghiệp Nhị Xuân	80.546	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên TNXP	2.317	
	- Văn phòng Lực lượng	6.422	
	- Ban Quản lý các Đội trật tự du lịch	5.300	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	500	
	- Dự phòng	5.000	
	- Bảo quản công viên dạ cầu Sài Gòn	3.100	
	- Duy tu phà Bình Khánh	1.500	
44	Tuần báo Văn nghệ	600	
45	Trung tâm Điều khiển tín hiệu giao thông	1.500	Dự phòng: 1.000
46	Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy	5.380	Dự phòng: 1.000
47	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	3.000	Dự phòng: 3.000
48	Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị thành phố	2.232	
49	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	1.940	
50	Ban QL Khu Đô thị mới Nam TP	3.052	
51	BQL đầu tư và XD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2.930	
52	Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	1.728	
53	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	2.880	
54	Công an thành phố	43.600	
	- Kinh phí hỗ trợ	35.600	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	8.000	
55	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	32.475	
56	Trường Thiếu sinh quân	4.970	
57	Các Hội	13.493	
	- Kinh phí hỗ trợ	12.743	
	- Kinh phí Chương trình mục tiêu	750	
58	Kinh phí xúc tiến	42.090	Dự phòng: 10 tỷ
59	Cty XNK Phát hành Sách	550	Ngân sách Trung ương
60	Kinh phí hỗ trợ	9.746	
Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho khối quận - huyện			
61	Kinh phí tăng cường năng lực đào tạo nghề	2.400	
	Quận 4	800	
	Quận 9	800	
	Huyện Nhà Bè	800	
61	Đào tạo nghề cho nông dân và người tàn tật (khối QH)	1.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục số 06

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỐI QUẬN - HUYỆN NĂM 2008*Đơn vị tính: Triệu đồng*

QUẬN HUYỆN	TỔNG CHỈ TIÊU GIAO DỰ TOÁN CHI NSQH	Trong đó		Số bổ sung cân đối NSQH từ NSTP
		Chi SN Giáo dục	Chi SN Y tế	
Tổng số	4.292.135	1.464.550	305.910	1.351.138
Quận 1	244.309	67.267	9.504	0
Quận 2	131.535	32.102	8.459	49.270
Quận 3	211.199	65.443	9.110	0
Quận 4	118.904	34.398	10.957	75.369
Quận 5	191.461	63.725	9.707	2.810
Quận 6	165.541	59.724	12.261	26.823
Quận 7	150.571	42.632	10.075	28.892
Quận 8	175.664	64.069	14.282	102.009
Quận 9	143.843	53.580	11.553	89.158
Quận 10	176.337	52.049	10.087	291
Quận 11	155.435	57.841	12.268	42.956
Quận 12	147.616	68.040	12.353	53.740
Quận Phú Nhuận	168.049	36.643	8.687	8.350
Quận Gò Vấp	230.386	94.849	17.266	74.074
Quận Bình Thạnh	254.883	81.024	13.915	39.555
Quận Tân Bình	264.470	90.495	15.251	0
Quận Tân Phú	195.776	73.277	11.462	35.395
Quận Bình Tân	161.858	51.593	11.634	24.328
Quận Thủ Đức	166.400	69.446	15.169	69.734
Huyện Củ Chi	238.505	94.581	15.952	192.097
Huyện Hóc Môn	169.094	75.323	24.155	117.206
Huyện Bình Chánh	187.443	68.123	21.135	115.239
Huyện Nhà Bè	96.771	32.271	8.083	65.967
Huyện Cần Giờ	146.085	36.055	12.585	137.875

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2007/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố; các báo cáo, tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan hữu quan; Thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với các báo cáo của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố. Nhất trí thông qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội trên địa bàn thành phố năm 2007; mục tiêu, chỉ tiêu và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2008.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2007:

Năm 2007 tuy có những mặt không thuận lợi về thời tiết, dịch bệnh, giá cả ảnh hưởng đến sản xuất - kinh doanh và đời sống của nhân dân thành phố; nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân, các nhiệm vụ chỉ tiêu đã đạt được kết quả khá tốt trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tất cả 14 chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2007 đều đạt và vượt kế hoạch theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, trong đó, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đã vượt mức bình quân chung đề ra cho 5 năm 2006 - 2010 (12,0%); chỉ tiêu giảm nghèo đã về trước

Kế hoạch 2006 - 2010, số hộ nghèo giảm còn 1,8%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 12,6% (kế hoạch 12,2% đến 12,5%);
- Kim ngạch xuất khẩu (không tính dầu thô) tăng trên 15,0% (kế hoạch tăng trên 15,0%);
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 84.800 tỷ đồng (kế hoạch 74.500 tỷ đồng);
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 83.435 tỷ đồng (kế hoạch 77.959,5 tỷ đồng), trong đó thu nội địa đạt 41.600 tỷ đồng (kế hoạch 41.069,5 tỷ đồng);
- Tổng chi ngân sách địa phương (không tính ghi thu ghi chi) 20.854,524 tỷ đồng (kế hoạch 15.710,9 tỷ đồng);
- Giải quyết việc làm cho 255.000 lao động (kế hoạch 250.000), trong đó tạo 114.000 việc làm mới (kế hoạch 110.000), giảm tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 5,6% (kế hoạch dưới 5,6%), giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới (dưới 6 triệu đồng/người/năm) còn 1,8% (kế hoạch dưới 4,6%);
- Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố đạt trên 87,0% (kế hoạch trên 87,0%);
- Số lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng đạt 370 triệu lượt người (kế hoạch 370 triệu lượt người).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và kết quả khá toàn diện; kinh tế - xã hội, trật tự đô thị của thành phố cũng bộc lộ một số hạn chế như năng lực sản xuất của một số ngành chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tuy tăng trưởng khá, nhưng vẫn chưa có những mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực, giá trị gia tăng cao. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị tiếp tục quá tải, bất cập, không theo kịp yêu cầu phát triển của thành phố; tình trạng ùn tắc giao thông và ngập nước ngày càng nhiều. Quy hoạch chi tiết 1/2000, quy hoạch sử dụng đất còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn và cuộc sống của người dân. Các công trình, dự án hầu hết chậm tiến độ, còn tình trạng lãng phí, chất lượng kém. Tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được khắc phục.

Hệ thống y tế ngày càng quá tải, nhất là tại các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành; công tác quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Công tác quy hoạch, tạo quỹ đất để xây dựng mạng lưới trường lớp tại các quận, huyện còn chậm. Đời sống văn hóa của nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng ngoại thành tuy có được quan tâm và cải thiện nhưng mức chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa nội thành và ngoại thành còn lớn. Tai nạn giao thông, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp.

Việc thực hiện “Năm cải cách hành chính” có những tiến bộ nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, thiếu chặt chẽ, liên thông chưa tốt. Một bộ phận cán bộ, công chức có biểu hiện tiêu cực, nhũng nhiễu. Người dân và doanh nghiệp vẫn còn bị phiền hà, bức xúc về thủ tục và thái độ làm việc của cán bộ, công chức.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2008

1. Mục tiêu:

Năm 2008 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, thành phố nỗ lực phấn đấu để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, phát triển theo hướng bền vững, trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và đảm bảo quản lý tốt quy hoạch. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

Chọn năm 2008 là “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu kinh tế - 6 chỉ tiêu:

(1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 12,7% - 13,0%. GDP bình quân đầu người 2.500 USD.

(2) Tổng kim ngạch xuất khẩu (không tính dầu thô) tăng 15,0%.

(3) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 97.500 tỷ đồng trở lên, bằng 35,0% GDP.

(4) Thu ngân sách trên địa bàn 98.070,2 tỷ đồng, tăng 17,54% so ước thực hiện năm 2007. Trong đó, thu nội địa 51.015 tỷ đồng, tăng 22,63%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 37.475 tỷ đồng tăng 13,56% so ước thực hiện năm 2007.

(5) Chi ngân sách địa phương 18.594,757 tỷ đồng, tăng 18,36% so với dự toán năm 2007. Trong đó, chi đầu tư phát triển 7.531,733 tỷ đồng, bằng 66,75% so ước thực hiện năm 2007, chiếm 40,5% tổng chi cân đối ngân sách địa phương so kế hoạch huy động.

(6) Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

b) Các chỉ tiêu xã hội - 7 chỉ tiêu:

(1) Hoàn thành phổ cập bậc trung học.

(2) Giải quyết việc làm cho 270.000 người, trong đó tạo việc làm mới 120.000 lao động. Đào tạo nghề dài hạn tăng 15%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 5,5%.

(3) Hoàn thành cơ bản chương trình xóa đói giảm nghèo của thành phố (theo tiêu chí mới - thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm) vào cuối năm 2008 (Kế hoạch đến 2010 mới hoàn thành) và chuyển thành chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá.

(4) Giảm tỷ lệ sinh bình quân 0,1‰.

(5) Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 7,8%.

(6) Giảm tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 1,2‰.

(7) Giảm tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 2,5‰.

c) Các chỉ tiêu môi trường và đô thị - 7 chỉ tiêu:

(1) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch trên 89,5%.

(2) Vận chuyển hành khách công cộng là 420 triệu, trong đó có 335 triệu lượt hành khách.

(3) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

(4) Tỷ lệ xử lý chất thải rắn nguy hại đạt 100%.

(5) Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt 100%; tập trung xử lý nước thải y tế, cải thiện tình hình ô nhiễm tại các cơ sở y tế.

(6) Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 95%; xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường.

(7) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%.

III. Một số nhiệm vụ và giải pháp chính

1. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường vừa đẩy mạnh xã hội hóa vừa tăng cường quản lý nhà nước và khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến. Kiên quyết xử lý việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm và không để phát sinh ô nhiễm mới.

Ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, phát triển các ngành: công nghiệp cơ khí, điện tử - tin học, hóa chất và chế biến tinh lương thực - thực phẩm có giá trị gia tăng cao.

2. Đẩy nhanh tốc độ quy mô và chất lượng dịch vụ nhất là các dịch vụ cao cấp. Chăm lo phát triển thương mại trong nước theo hướng đảm bảo quan hệ cung - cầu hàng hóa thiết yếu; lưu thông hàng hóa phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ.

3. Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, ổn định, bền vững. Chủ động phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu cây trồng vật nuôi, thủy sản; phát

triển mạnh các loại cây con và nông sản chủ lực theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ mới, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học để chọn, tạo và sản xuất các giống cây trồng sạch bệnh, năng suất cao, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp.

4. Tạo điều kiện, cơ chế, chính sách phù hợp thu hút đầu tư, huy động nhiều nguồn vốn cho phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, nhằm thúc đẩy xã hội hóa trên nhiều lĩnh vực.

Sơ kết công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa xã hội, có kế hoạch, lộ trình và chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, xã hội cùng tham gia đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân thành phố và góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Không chế không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn thành phố.

5. Hoàn thành quy hoạch 1/2000. Tăng cường quản lý sau quy hoạch, kịp thời điều chỉnh hoặc bãi bỏ quy hoạch không còn phù hợp. Tập trung công tác thiết kế đô thị, quy hoạch không gian (không gian ngầm, không gian tầng cao); quản lý kiến trúc và quy hoạch xây dựng đô thị theo hướng văn minh hiện đại và dân tộc. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

6. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục xây dựng cơ bản nhất là các dự án về hạ tầng kỹ thuật; nâng cao chất lượng quản lý của chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, giám sát, thi công đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng. Giải quyết có hiệu quả ùn tắc giao thông. Có cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các bãi đậu xe ở các cửa ngõ vào thành phố. Đảm bảo phân luồng tuyến giao thông và đèn tín hiệu phù hợp. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Tăng cường quản lý trật tự, an toàn giao thông nhằm giảm tối đa tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, tạo chuyển biến rõ nét về trật tự giao thông, trật tự công cộng.

7. Tiếp tục cải cách hành chính nhất là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với nhân dân, huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

8. Thực hiện đồng bộ giữa cải cách hành chính với cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử không để xảy ra oan sai cũng không bỏ

lọt tội phạm. Phòng, chống có hiệu quả đối với tội phạm và tệ nạn xã hội. Kiên quyết đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, chi tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của nhà nước và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm.

Tăng cường các hình thức gặp gỡ, đối thoại giữa Chính quyền với công dân. Điều chỉnh, bổ sung quy trình nhận và xử lý, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân; tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thư tồn đọng và giải quyết kịp thời các đơn thư phát sinh thuộc thẩm quyền từng cấp theo đúng pháp luật.

9. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố sớm hoàn tất việc thực hiện chủ trương bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994. Việc thực hiện Nghị quyết số 48/2007/NQ-CP điều chỉnh về một số nội dung chính sách bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận về chủ trương theo tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện, bảo đảm đúng pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố trong kỳ họp gần nhất.

10. Giao Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể và triển khai “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

IV. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết, đảm bảo thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2008.

Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các thành viên của Mặt trận giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân thành phố thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của người dân.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, đoàn kết, năng động, sáng tạo quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2008.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp lần thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2007/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 8151/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 566/BCTT-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp gồm 1.702 dự án, với tổng vốn đầu tư 15.300 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách tập trung 3.776 tỷ đồng và huy động thêm từ các nguồn 11.524 tỷ đồng).

Thông qua danh mục 164 dự án mới năm 2008 (đính kèm danh mục).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào kế hoạch đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua để triển khai và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
Tổng cộng:						8.617.055	3.975.120	129.630	
Công trình khởi công mới						194.981	4.500	91.180	
Công trình đầu tư cho giao thông						141.058	0	70.000	
1	Sửa chữa cầu Văn Thánh 2 và nâng cấp các đoạn đường dẫn 02 đầu cầu	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	Quận Bình Thạnh	2008	172m x 50m	141.058	0	70.000	Ngân sách thành phố tạm ứng
Công trình đầu tư cho giáo dục						36.343	4.500	3.600	
2	Xây dựng Trường Mẫu giáo Bông Sen 12 - Phú Hòa Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	14 phòng, khối phụ	11.550		200	QĐ DA số 5793/QĐ-UB 22/11/2004 QĐ TKDT số 106/QĐ-SXD-QLKTXD ngày 15/6/2007
3	Xây dựng Trường THCS Tân An Hội	Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	12 phòng, khối phụ	24.793	4.500	3.400	Đền bù giải tỏa 4,5 tỷ. QĐ DA số 31/QĐ-UB 28/02/2007 QĐ DT số 256/QĐ-BQL ngày 16/7/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
Công trình chống ngập nước nội thị						17.580	0	17.580	
4	Nạo vét kênh rạch chống ngập xã Đa Phước	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 03 tuyến rạch L=3.650m	3.368		3.368	Số 221/QĐ-SNN-QLĐT, ngày 31/7/2007
5	Nạo vét kênh rạch chống ngập xã Tân Nhựt	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 03 tuyến rạch L=4.082m	5.682		5.682	Số 247/QĐ-SNN-QLĐT, ngày 11/9/2007
6	Nạo vét kênh rạch chống ngập xã Hưng Long	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 05 tuyến rạch L=7.935m	5.386		5.386	Số 265/QĐ-SNN-QLĐT, ngày 01/10/2007
7	Nâng cấp bờ bao rạch Cầu Già xã Tân Quý Tây, Bình Chánh	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 2.620m	3.144		3.144	Số 278/QĐ-SNN-QLĐT, ngày 29/10/2007
Công trình chuẩn bị thực hiện dự án						57.471	200	800	
Công trình đầu tư cho giáo dục						46.303	200	300	
8	Xây dựng mở rộng Trường Mẫu giáo Sen Hồng 1 - Phạm Văn Cội	Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008-2009	11 nhóm trẻ, khối phụ	11.721		100	QĐ DA số 490/QĐ-UB 01/02/2005 Đang trình TKDT
9	Xây dựng mới Trường Tiểu học Long Thạnh	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2008 - 2009	20 phòng học, khối phụ	34.582	200	200	Đang điều chỉnh dự án ĐBGT 200 triệu đồng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
Các công trình và dự án khác						11.168	0	500	
10	Xây dựng và mở rộng Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi (Ngân sách tập trung chỉ hỗ trợ đầu tư hạng mục hồ bơi)	Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	Khu hồ bơi 11.177m ²	11.168		500	QĐ duyệt dự án số 5923/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 của UBND.TP. Tổng mức đầu tư là 59.353 triệu đồng, trong đó: Ngân sách hỗ trợ đầu tư khu hồ bơi là 11.168 triệu đồng, phần còn lại sử dụng vốn tự có và vốn vay kích cầu.
Công trình chuẩn bị đầu tư:						8.364.603	3.970.420	37.650	
Vốn đối ứng ODA						740.920	439.320	3.600	
11	Lập dự án xây dựng tuyến Métro số 2 thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	Quận 1, 3, 5, 6.	2008	20km	150.000		1.000	Tổng vốn đầu tư là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 150 tỷ đồng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
12	Lập dự án xây dựng tuyến Métro số 3 thành phố Hồ Chí Minh	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	Quận 10, Bình Tân	2008	20km	150.000		1.000	Tổng vốn đầu tư là 5.000 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 150 tỷ đồng
13	Lập tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn quận 1, thuộc dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 1	Quận 1	2008	Bồi thường, hỗ trợ 18 hộ dân và 4 đơn vị	139.320	139320	500	
14	Lập tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn quận Bình Thạnh, thuộc dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	2008	Tổng số hộ đền bù là 151	100.000	100000	500	
15	Lập tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư tại Depot Long Bình - quận 9, thuộc dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 9	Quận 9	2008	Thu hồi 261.754,9m ²	200.000	200000	500	Tổng vốn đầu tư là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 150 tỷ đồng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
16	Lập dự án tăng cường năng lực tổng thể ngành thanh tra thành phố đến 2010	Thanh tra thành phố	TPHCM	2008-2010	Hỗ trợ kỹ thuật hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật ngành thanh tra	1.600		100	Tổng vốn đầu tư là 17,6 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 1,6 tỷ đồng
Chương trình giống - cây - con						162.235	20.000	1.000	
17	Lập dự án cấp nước cho Trung tâm hoa kiểng Sài Gòn	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Củ Chi, Bình Chánh	2008	Cấp nước cho 500ha	150.000	20.000	500	
18	Lập dự án Trung tâm nghiên cứu rừng ngập mặn Cần Giờ	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Cần Giờ	2008	120ha	10.735		300	
19	Sửa chữa, nâng cấp trạm thú y Tân Bình - Tân Phú	Ban QLDA Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Tân Bình	2008		1.500		200	
Chương trình đầu tư cho Công viên phần mềm Quang Trung và Khu Công nghệ cao thành phố						104.975	0	2.450	
20	Lập dự án xây dựng đường D4 - Giai đoạn 1	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	952m x 24m 8m-8m-8m	18.000		200	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
21	Lập dự án xây dựng đường D5 - Giai đoạn 1	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	572m x 19m 3m-8m-8m	9.700		150	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
22	Lập dự án xây dựng đường D6 - Giai đoạn 1	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	464m x 19m 3m-8m-8m	9.000		500	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
23	Lập dự án xây dựng đường D7 - Giai đoạn 1	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	300m x 24m 8m-8m-8m	6.000		150	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
24	Lập dự án xây dựng đường N8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao	Quận 9	2008	336m x 35m 8m-8m-(3)- 8m-8m	12.000		500	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
25	Lập dự án xây dựng đường N9	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	352m x 16m 4m-8m-4m	5.400		150	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
26	Lập dự án xây dựng đường N10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao	Quận 9	2008	848m x 16m 5m-8m-3m	14.000		500	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
27	Lập dự án xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng trong khu CNC	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao	Quận 9	2008	316ha	4.875		150	CV số 6329/UBND-CNN ngày 26/9/2007 của UBND.TP
28	Lập dự án xây dựng vườn ươm doanh nghiệp	Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố	Quận 9	2008	2.500m ² (gđ1)	26.000		150	
Công trình chống ngập nước nội thị						242.790	27.600	3.100	
29	Lập dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Ba Bọt (đoạn qua nút giao Gò Dưa)	Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận	Quận Thủ Đức	2008	Lắp đặt hệ thống thoát nước trên chiều dài khoảng 475m, kết hợp xây dựng hành lang bảo vệ tuyến cống	18.100	3.600	200	Chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 4517/UBND-ĐT ngày 04/7/2006
30	Lập dự án nạo vét, nâng cấp kênh tiêu T38	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Củ Chi	2008	Tiêu thoát 1.050ha	50.000	4.000	500	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
31	Lập dự án đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Sơn - rạch Cầu Đen, xã An Nhơn Tây	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Củ Chi	2008	Ngăn lũ 815ha	50.000	10.000	500	
32	Lập dự án đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Thai Thai - cầu Bến Súc, xã Phú Mỹ Hưng	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Củ Chi	2008	Ngăn lũ 650ha	50.000	10.000	500	
33	Lập dự án nạo vét kênh rạch chống ngập xã Tân Kiên	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 4.860m	5.800		200	
34	Lập dự án nạo vét kênh rạch chống ngập xã Tân Túc	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 9.488m	5.390		200	
35	Lập dự án nạo vét kênh rạch chống ngập xã Qui Đức	Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố	Huyện Bình Chánh	2008	Tổng chiều dài 1.600m	3.000		200	
36	Lập dự án xây dựng trạm tiếp nhận chế biến và xử lý bùn tại xã Đa Phước, huyện Bình Chánh	Công ty Thoát nước đô thị	Huyện Bình Chánh	2008	Xây dựng 1 trạm tiếp nhận và xử lý bùn	500	0	500	Tổng mức đầu tư 548 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho kinh phí lập dự án đầu tư, kinh phí đầu tư do chủ đầu tư vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển đô thị để thực hiện

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
37	Lập dự án đầu tư xe máy thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác duy tu hệ thống thoát nước thành phố	Công ty Thoát nước đô thị	Thành phố Hồ Chí Minh	2008	8 xe tải và 19 xe bồn hút bùn cống	60.000	0	300	Chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 7648/UBND-ĐTMT ngày 08/11/2007
Chương trình nước sạch						180.225	0	200	
38	Lập dự án xây dựng hệ thống quản lý vận hành tổng thể mạng lưới cấp nước thành phố	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	2008	Đầu tư hệ thống thông tin địa lý, xây dựng nền tảng mô hình thủy lực, thiết lập phòng điều khiển trung tâm, xây dựng hệ thống giám sát, hệ thống quản lý chất lượng	180.225		200	Thông báo số 336/TB-VP ngày 12/6/2006 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố về kết luận nội dung chỉ đạo của Chủ tịch Lê Thanh Hải tại cuộc họp về cung cấp nước sạch của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công trình đầu tư cho giáo dục						701.000	233.500	5.650	
39	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng Trường Tiểu học Âu Cơ	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 11	Quận 11	2008	Đền bù giải tỏa	35.000	35.000	200	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
40	Lập dự án đền bù giải tỏa để xây dựng Trường THCS Thảo Điền	Ban Quản lý dự án khu vực quận 2	Quận 2	2008	11 hộ (8.840m ²)	11.600	11.600	100	
41	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng Trường THCS Lê Anh Xuân	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 11	Quận 11	2008	Đền bù giải tỏa	16.000	16.000	100	
42	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng Trường Trung học cơ sở Hiệp Thành	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 12	Quận 12	2008	Đền bù giải tỏa	12.000	12.000	500	
43	Lập dự án xây dựng Trường Tiểu học Tân Thông Hội	Ban Quản lý dự án ĐTXD CT huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	20 phòng học, khối phụ	28.500	3.500	200	
44	Lập dự án xây dựng mở rộng Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD CT huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	30 phòng học và các khối phụ.	30.000	3.000	700	ĐBGT 3 tỷ đồng, xây thay thế trường xuống cấp và thiếu phòng học
45	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Tiểu học Nhị Tân	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2008	30 phòng học và các khối phụ.	7.000	7.000	150	Đền bù 7 tỷ đồng
46	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng Trường Tiểu học Thị trấn Hóc Môn	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2008	30 phòng, khối phụ.	4.500	4.500	100	Đền bù 4,5 tỷ đồng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
47	Lập dự án xây dựng mới Trường Mầm non Bà Điểm	Ban QLDA ĐTXD công trình huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2008	10 nhóm trẻ, phòng chức năng	12.000		100	Xây dựng mới thay cho trường cũ bị giải tỏa bởi Hương lộ 80
48	Lập dự án xây dựng mới Trường PTHH Nguyễn Hữu Cầu	Ban QLDA ĐTXD công trình huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2008	36 phòng + khối phụ	46.000	700	100	
49	Lập dự án xây dựng Trường THCS Lê Văn Hưu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	2008	36 phòng học, hành chính và khối phụ	55.000		100	Trường xuống cấp trầm trọng. Xây dựng trên khu đất hiện hữu, không đền bù.
50	Lập dự án đền bù để thực hiện dự án Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	2008	20 phòng và khối phụ 10.033m ²	6.800	6.800	100	
51	Lập dự án xây dựng Trường Trung học cơ sở Kỳ Hòa	Công ty Dịch vụ đô thị và quản lý nhà quận 10	Quận 10	2008	28 phòng học, các phòng chức năng, khối phụ	18.000		100	
52	Lập dự án xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận 2	Ban QLDA khu vực quận 2	Quận 2	2008	17 phòng và các phòng chức năng	11.600		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
53	Lập dự án sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Lê Quý Đôn	Trường THPT Lê Quý Đôn	Quận 3	2008	Sửa chữa chống xuống cấp và cải tạo dãy A, E, F	15.000		100	
54	Lập dự án mở rộng Trường Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ A	Trường Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ A	Quận 4	2008	15 phòng học + khối phụ, DT 1.600m ²	24.000		100	
55	Lập dự án xây dựng Trường THCS phường 9, quận 8	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng quận 8	Quận 8	2008	40 phòng học và khối phụ trợ	45.000	1.000	100	Hỗ trợ di dời kho tại phường 9
56	Lập dự án xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng quận 8	Quận 8	2008	16 phòng học, khối phụ, diện tích > 2.000m ²	15.000	2.000	100	Hỗ trợ di dời kho tại phường 1
57	Lập dự án đền bù xây dựng Trường THCS tại số 89 Nguyễn Đình Chiểu	Ban QLDA ĐTXD công trình quận Phú Nhuận	Quận Phú Nhuận	2008	40 phòng học + các phòng chức năng	15.000	15.000	100	Chỉ đạo của UBND.TP tại Văn bản số 479/TB-VP ngày 06/7/2007
58	Lập dự án đền bù xây dựng Trường Tiểu học tại số 35 Đặng Văn Ngữ	Ban QLDA ĐTXD công trình quận Phú Nhuận	Quận Phú Nhuận	2008	14 phòng học + các phòng chức năng	15.000	15.000	100	Chỉ đạo của UBND.TP tại Văn bản số 479/TB-VP ngày 6/7/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
59	Lập dự án đền bù giải tỏa và tái định cư xây dựng Trường THCS Trần Thái Tông	Ban QLDA ĐTXD công trình quận Tân Bình	Quận Tân Bình	2008	45 phòng + khối phụ	6.000	6.000	150	Tách dự án đền bù giải tỏa theo quy định
60	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trường THCS Trần Văn Quang	Ban QLDA ĐTXD công trình quận Tân Bình	Quận Tân Bình	2008	24 phòng + khối phụ	4.000	4.000	100	Tách dự án đền bù giải tỏa theo quy định
61	Lập dự án cải tạo, mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	2008	Xây dựng mở rộng 1 trệt 3 lầu	18.000		100	
62	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2008	18 phòng học	4.400	4.400	100	
63	Lập dự án xây dựng Trường THCS Thoại Ngọc Hầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2008	Xây mới 18-22 phòng học, khối chức năng	30.000		500	
64	Lập dự án xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2008	Xây mới 15-18 phòng học, khối chức năng	27.000		100	
65	Lập dự án xây dựng Trường Tiểu học Tân Hóa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2008	Xây mới 10-12 phòng học, khối chức năng	20.000		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
66	Lập dự án xây dựng Trường Tiểu học Tân Thới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2008	Xây mới 27-30 phòng học, khối chức năng	45.000		100	
67	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trường Tiểu học Hiệp Bình Phước	BQLDAĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	1ha	5.000	5.000	100	
68	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trường Trung học cơ sở Trường Thọ	BQLDAĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	Diện tích 2ha	13.000	13.000	200	
69	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trường Trung học phổ thông Linh Xuân	BQLDAĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	2ha	5.000	5.000	100	
70	Lập dự án xây dựng Trường Mầm non Tam Phú	BQLDAĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	09 phòng học, nhóm trẻ và khối công trình phục vụ giảng dạy	24.600	5.000	150	TB số 325/TB-VP ngày 05/8/2006 của VP HĐND và UBND.TP
71	Lập dự án sửa chữa cải tạo và nâng cấp Trường THPT Phan Đăng Lưu	Trường THPT Phan Đăng Lưu	Quận Bình Thạnh	2008	Xây mới 13 phòng học, cải tạo 16 phòng học và khối phụ	18.000		100	
72	Lập dự án đền bù giải tỏa xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4	Quận 4	2008	Đền bù giải tỏa	58.000	58.000	500	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
Chương trình đầu tư cho y tế						920.500	290.500	7.500	
73	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên khoa máy CT 64 lát cắt và máy điện tim gắng sức của Bệnh viện 115	Bệnh viện Nhân dân 115	Quận 10	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	16.000		100	
74	Lập dự án xây dựng, nâng cấp Trung tâm Pháp y	Trung tâm Pháp y	Quận 5	2008	4.500m ²	10.000		100	Chủ trương của UBND thành phố tại CV số 8034/UBND-VX ngày 17/11/2007. Tổng vốn đầu tư: 31 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách tập trung: 16 tỷ đồng, vốn vay kích cầu 15 tỷ đồng.
75	Lập dự án triển khai hệ thống quản lý và điều hành cấp cứu giai đoạn I - Bệnh viện Cấp cứu Trung Vương	Bệnh viện Cấp cứu Trung Vương	Quận 10	2008	Hệ thống GIS cho toàn thành phố	7.000		100	
76	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Hùng Vương	Bệnh viện Hùng Vương	Quận 5	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	13.000		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
77	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Nguyễn Trãi	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Quận 5	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	56.000		200	
78	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	20.500		100	
79	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Quận 5	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	1.500		100	
80	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Từ Dũ	Bệnh viện Từ Dũ	Quận 1	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	22.000		100	
81	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Y học Cổ truyền	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Quận 3	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	11.000		100	
82	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Khu Điều trị Phong Bến Sắn	Khu Điều trị Phong Bến Sắn	Tỉnh Bình Phước	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	500		100	
83	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ đơn vị kỹ năng tiền lâm sàng (skill lab)	Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Y tế	Quận 5	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	3.500		50	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
84	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Trung tâm Y tế Dự phòng	Trung tâm Y tế Dự phòng	Quận 5	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	4.500		50	
85	Lập dự án mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Viện Y dược học Dân tộc	Viện Y Dược học Dân tộc	Quận Phú Nhuận	2008	Thiết bị y tế chuyên môn	6.000		100	
86	Lập dự án sửa chữa, cải tạo và trang thiết bị Khu phòng mổ ghép tạng của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	2008	2 phòng mổ + 35 giường	21.000		200	
87	Lập dự án sửa chữa, cải tạo Trung tâm Giám định Y khoa	Trung tâm Giám định Y khoa	Quận 5	2008	Sửa chữa 800m ²	3.000		50	
88	Lập dự án sửa chữa nâng cấp Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm	Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm	Quận 3	2008	Sửa chữa 1.632m ²	3.000		50	
89	Lập dự án sửa chữa nâng cấp một số khoa của Bệnh viện Nguyễn Trãi	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Quận 5	2008	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp	45.000		100	
90	Lập dự án xây dựng giai đoạn 2 Bệnh viện Nhân Ái	Bệnh viện Nhân Ái	Tỉnh Bình Phước	2008	Hạ tầng, nhà công vụ, lò đốt rác, sửa chữa cải tạo khác	40.000		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
91	Lập dự án xây dựng mới khu điều trị - Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Quận Bình Thạnh	2008	Xây mới thay thế 700 giường 46.000m ² sàn	300.000		500	Vốn ngân sách tập trung: 100 tỷ đồng, còn lại là vốn vay kích cầu
92	Lập dự án sửa chữa, cải tạo nền và trang thiết bị hệ thống điều hòa trung tâm khu phòng mổ, X-quang của Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	Quận 5	2008	Sửa chữa và trang thiết bị lạnh trung tâm	7.000		50	
93	Lập dự án xây dựng Trung tâm Y tế Dự phòng quận 12	Trung tâm Y tế Dự phòng quận 12	Quận 12	2008		30.000	500	100	Chủ đầu tư đăng ký mới theo chủ trương của UBND về thành lập mới đơn vị dự phòng
94	Lập dự án xây dựng Trung tâm Y tế Dự phòng quận 9	Trung tâm Y tế Dự phòng quận 9	Quận 9	2008	2.000m ²	10.000		50	Chủ đầu tư đăng ký mới theo chủ trương của UBND về thành lập mới đơn vị dự phòng

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
95	Lập dự án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng Viện Trường Y tế xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	1.059.800m ² 271 hộ	290.000	290.000	5.000	Tờ trình số 10612/STC-BVG ngày 16/10/2007 trình UBND.TP
Công trình đầu tư cho giao thông						3.589.326	2.369.700	5.200	
96	Lập dự án xây dựng đường trên cao (cầu cạn) dọc kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (công tác tuyển chọn nhà đầu tư)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	Quận 3, 10, Bình Thạnh, Phú Nhuận	2008	Xây dựng cầu cạn 4 làn xe rộng 16,5m, dài 9km. Mở rộng đường Bùi Thị Xuân dài 1.200m, rộng 32-40m	100	1.500.000	100	Tổng mức đầu tư là 4.000 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho chi phí lập dự án theo chỉ đạo tại Công văn số 2130/UBND-ĐT ngày 06/4/2006 và tại Công văn số 7948/UBND-ĐTMT ngày 19/11/2007 giao cho Công ty GS đầu tư theo hình thức BOT

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
97	Lập dự án sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Thị Thập (đoạn từ Lê Văn Lương đến Huỳnh Tấn Phát)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Quận 7	2008	2.655m x 35m	227.000	93.000	500	Chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 506/TB-VP ngày 19/7/2007
98	Lập tiêu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài (phần di dời, tái lập hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	Quận Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh, Thủ Đức	2008	Di dời, tái lập hệ thống các công trình	10.000	10.000	200	Triển khai di dời, tái lập công trình hạ tầng kỹ thuật (thực hiện theo hợp đồng trọn gói) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2960/UBND-ĐTMT ngày 17/5/2007
99	Lập dự án xây dựng mới cầu Bung	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	Quận Bình Tân, Tân Phú	2008	84,5m x 25m	132.400	81.000	100	Chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 5903/UBND-ĐTMT ngày 13/9/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
100	Lập dự án nâng cấp mở rộng xa lộ Hà Nội (từ cầu Sài Gòn đến ngã tư Bình Thái)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	Quận 2, 9	2008	5.600m x 48m	783.440	2.000	100	Chủ trương của UBND.TP tại Công văn số 7053/UBND-ĐTMT ngày 17/10/2007
101	Lập dự án nâng cấp mở rộng xa lộ Hà Nội (từ ngã tư Bình Thái đến cầu Suối Cái)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	Quận 9	2008	3.400m x 48m	531.080	2.000	100	Chủ trương của UBND.TP tại Công văn số 7053/UBND-ĐTMT ngày 17/10/2007
102	Lập dự án nâng cấp mở rộng xa lộ Hà Nội (từ Cầu Suối Cái đến cầu Đồng Nai)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	Quận 9	2008	7.500m x 30m	1.171.500	2.000	100	Chủ trương của UBND.TP tại Công văn số 7053/UBND-ĐTMT ngày 17/10/2007
103	Lập tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Thủ Đức (phần nhà, đất và vật kiến trúc)	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	60ha			500	Theo chỉ đạo của UBND.TP tại Công văn số 2960/UBND-ĐTMT ngày 17/5/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
104	Lập tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án Xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Gò Vấp (phần nhà, đất và vật kiến trúc)	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng quận Gò Vấp	Quận Gò Vấp	2008	Bồi thường phần nhà, đất và vật kiến trúc			500	Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2960/UBND-ĐTMT ngày 17/5/2007
105	Lập tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án Xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Tân Bình (phần nhà, đất và vật kiến trúc)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Bình	Quận Tân Bình	2008	Bồi thường phần nhà, đất và vật kiến trúc			500	Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2960/UBND-ĐTMT ngày 17/5/2007
106	Lập tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án Xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Bình Thạnh (phần nhà, đất và vật kiến trúc)	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	2008	Bồi thường phần nhà, đất và vật kiến trúc			500	Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2960/UBND-ĐTMT ngày 17/5/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
107	Lập dự án đền bù, giải tỏa để thực hiện dự án thành phần số 4 “Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm” thuộc tiểu dự án nâng cấp đô thị thành phố Hồ Chí Minh - đoạn qua quận 6	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 6	Quận 6	2008				200	
108	Lập dự án đầu tư xây dựng đường Nguyễn Giản Thanh	Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý Nhà quận 10	Quận 10	2008	810m x 20m	15.974	70.700	200	Tổng mức đầu tư của dự án là 86,7 tỷ, trong đó UBND quận 10 tự cân đối chi phí đền bù giải tỏa của dự án (70,7 tỷ đồng)
109	Lập dự án xây dựng đường vào khu đất xây dựng Học viện Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Bình Chánh	2008	2.000m x 30m	70.000	15.000	500	Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 3620/UBND-ĐT ngày 05/6/2006
110	Lập dự án thảm bê tông nhựa hoàn thiện đường trục Bắc Nam giai đoạn 1	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Bình Chánh	2008	6.300m x 7m	50.000	0	200	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
111	Lập dự án xây dựng đường trục Bắc Nam (giai đoạn 3)	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Bình Chánh	2008	7.300m x 28,5m	100	0	100	Tổng mức đầu tư của dự án là 360 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho chi phí lập dự án, hình thức đầu tư: kêu gọi nhà đầu tư vào khu đô thị cảng Hiệp Phước đầu tư xây dựng công trình.
112	Lập dự án xây dựng cầu Rạch Đĩa trên tuyến đường Bắc Nam, giai đoạn 3	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Bình Chánh	2008	290m x 28,5m	100	0	100	Tổng mức đầu tư của dự án là 260 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho chi phí lập dự án, hình thức đầu tư: kêu gọi nhà đầu tư vào khu đô thị cảng Hiệp Phước đầu tư xây dựng công trình.

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
113	Lập dự án xây dựng cầu Bà Chiêm trên tuyến đường Bắc Nam, giai đoạn 3	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Nhà Bè	2008	290m x 28,5m	100	0	100	Tổng mức đầu tư của dự án là 260 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho chi phí lập dự án, hình thức đầu tư: kêu gọi nhà đầu tư vào khu đô thị cảng Hiệp Phước đầu tư xây dựng công trình.
114	Lập dự án xây dựng cầu Phước Kiển trên tuyến đường Bắc Nam, giai đoạn 3	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	Huyện Nhà Bè	2008	290m x 28,5m	100	0	100	Tổng mức đầu tư của dự án là 260 tỷ đồng. Ngân sách thành phố cấp cho chi phí lập dự án, hình thức đầu tư: kêu gọi nhà đầu tư vào khu đô thị cảng Hiệp Phước đầu tư xây dựng công trình.
115	Lập dự án nâng cấp, mở rộng hẻm 178 Hậu Giang	Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng công trình quận 6	Quận 6	2008	225m x 16m	24.432	21.000	200	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
116	Lập tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện Bình Chánh	Ban QLDA khu vực ĐTXD huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2008	Đền bù giải tỏa	273.000	273.000	100	Theo chỉ đạo của UBND thành phố tại CV số 7952/UBND-ĐTMT ngày 19/11/2007
117	Lập dự án đền bù, giải tỏa để thực hiện dự án chống sạt lở bán đảo Bình Quới - Thanh Đa (đoạn 1.3)	Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	2008	Đền bù giải tỏa	300.000	300.000	200	Theo chỉ đạo của UBND thành phố tại CV số 7428/UBND-ĐTMT ngày 31/10/2007
Công trình xử lý rác						268.000	0	400	
118	Lập dự án xây dựng cầu, đường giao thông từ Khu liên hợp xử lý rác Đa Phước đến Quốc lộ 50	Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải	Huyện Bình Chánh	2008 - 2010	Xây dựng 1 cầu và 1,5km đường	108.000	0	200	Chủ trương của UBND.TP tại Công văn số 7492/UBND-ĐTMT ngày 02/11/2007
119	Lập dự án xây dựng khu chôn lấp chất thải an toàn tại Khu liên hợp xử lý rác Tây Bắc thành phố	Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải	Huyện Củ Chi	2008	10ha	160.000	0	200	Chủ trương của UBND thành phố tại Thông báo số 522/TB-VP ngày 26/7/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
Chương trình xây dựng khu tưởng niệm các Vua Hùng						95.000	45.000	300	
120	Lập dự án đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng Bảo tàng Lịch sử tự nhiên	Công ty Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	Quận 9	2008 - 2009	30ha	45.000	45.000	150	Theo ý kiến kết luận Chủ tịch UBND.TP tại Thông báo số 644/TT-VP ngày 13/9/2007 của VP. HĐND và UBND.TP
121	Lập dự án truyền thuyết Khu I	Công ty Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	Quận 9	2008 - 2009	5ha	50.000		150	Theo ý kiến kết luận Chủ tịch UBND.TP tại Thông báo số 644/TT-VP ngày 13/9/2007 của VP. HĐND và UBND.TP
Các công trình và dự án khác						1.359.632	544.800	8.250	
122	Lập dự án trang bị phương tiện kỹ thuật quản lý xuất nhập cảnh và quản lý biển	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố	TPHCM	2008	Trang bị phương tiện	20.000	0	200	
123	Lập dự án trồng cây bao quanh tạo hàng rào Công viên Sài Gòn Safari	Thảo cầm viên Sài Gòn	Huyện Củ Chi	2008	Trồng cây xanh làm hàng rào bảo vệ rộng 3m trong chu vi khu đất khoảng 8km	10.000	0	200	Chủ trương của UBND thành phố tại Thông báo 705/TB-VP ngày 03/10/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
124	Lập dự án đền bù giải tỏa tạo quỹ đất xây dựng vườn ươm và khu dân thú tại khu quy hoạch công viên Sài Gòn Safari	Thảo Cầm viên	Huyện Củ Chi	2008	33,4ha	65.000	63.800	100	Chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại CV số 2884/UBND-ĐT ngày 18/5/2005
125	Lập dự án đóng mới tàu tuần tra cứu hộ cứu nạn	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố	Huyện Cần Giờ	2008	2 chiếc	26.000	0	200	Năm 2007, UBND TP đã chấp thuận tổng VĐT của dự án là 9,8 tỷ, nay BCHBĐBP TP đề nghị tăng lên 26 tỷ đồng
126	Lập dự án đầu tư xây dựng mới Trung tâm hành chính quận 6	Ban QLDA Khu vực ĐTXD quận 6	Quận 6	2008	Diện tích: 9.502,8m ²	35.000		500	
127	Lập dự án xây dựng mới trụ sở Huyện ủy huyện Bình Chánh	Ban QLDA khu vực ĐTXD huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2008	Diện tích khuôn viên: 1,8ha	40.000		200	
128	Lập dự án xây dựng mới trụ sở HĐND-UBND huyện Bình Chánh	Ban QLDA khu vực ĐTXD huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2008	Diện tích khuôn viên: 1,46ha	47.000		200	
129	Lập dự án xây dựng nhà làm việc của Văn phòng Thành ủy	Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh	Quận 3	2008	Tổng diện tích sàn xây dựng: 15.018m ²	76.590		300	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
130	Lập dự án cải tạo nhà làm việc của Ban Công tác người Hoa và Báo Sài Gòn Giải phóng Hoa văn	Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh	Quận 5	2008	Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.841m ²	8.523		100	
131	Lập dự án cải tạo, nâng cấp hội trường thành phố Hồ Chí Minh	Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh	Quận 3	2008	Cải tạo, sửa chữa và lắp đặt thêm thiết bị	41.529		300	
132	Lập dự án cải tạo và xây dựng mới nhà làm việc của Đảng ủy khối Dân - Chính - Đảng	Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh	Quận 3	2008	Tổng diện tích sàn xây dựng và cải tạo: 837m ²	3.200		100	
133	Lập dự án xây dựng khu tăng gia sản xuất tập trung tại Nông trường Nhị Tân	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Huyện Hóc Môn	2008	Nhà chiến sỹ: 109m ² ; Chuồng heo: 440m ² ; chuồng trâu: 200m ² ; nhà vệ sinh tập thể: 20m ² ;	1.260		100	
134	Lập dự án xây dựng nhà luyện tập thể thao đa năng, sân tennis Trường Thiếu sinh quân	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Huyện Củ Chi	2008	DT sàn xây dựng: 2.119m ²	14.000		300	
135	Lập dự án xây dựng Doanh trại dB2/e1 và Trung tâm huấn luyện chiến sỹ mới, kho chứa vật chất, bến huấn luyện cứu hộ cứu nạn lực lượng võ trang	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Quận 9	2008	DT sàn xây dựng: 18.480m ²	103.000		600	Tổng vốn đầu tư chưa bao gồm đền bù, giải tỏa

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
136	Lập dự án xây dựng mới Phân hiệu đào tạo phường - xã đội trưởng và Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Huyện Củ Chi	2008	DT sàn xây dựng: 7.800m ²	37.000		300	Tổng vốn đầu tư chưa bao gồm đền bù, giải tỏa
137	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tưởng niệm liệt sỹ Tết Mậu Thân	Ban Quản lý dự án ĐTXD CT huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2008	12ha	36.000	36.000	300	
138	Lập dự án xây dựng mới kho vũ khí, đạn huyện Củ Chi	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Huyện Củ Chi	2008	DT sàn xây dựng: 4.687m ²	32.380		300	Tổng vốn đầu tư chưa bao gồm đền bù, giải tỏa
139	Lập dự án cải tạo mở rộng nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn	Công an thành phố	Huyện Hóc Môn	2008	800m ²	2.000		100	
140	Lập dự án mở rộng trụ sở Phòng PC15	Công an thành phố	Quận 10	2008	1.600m ²	4.000		100	
141	Lập dự án xây dựng kho dự trữ phương tiện, vũ khí, quân trang	Công an thành phố	Quận 10	2008	2.000m ²	5.000		100	
142	Lập dự án xây dựng Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị quận 3	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình quận 3	Quận 3	2008	Hội trường, các phòng chức năng	24.000	3.000	100	
143	Lập dự án xây dựng kho vật chứng và trung tâm huấn luyện	Công an thành phố	Huyện Nhà Bè	2008	6.280m ²	15.700		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
144	Lập dự án xây dựng trụ sở Phòng PA21	Công an thành phố	Quận Bình Thạnh	2008	2.800m ²	7.000		100	
145	Lập dự án xây dựng trụ sở Phòng PA23	Công an thành phố	Quận 1	2008	2.200m ²	5.500		100	
146	Lập dự án xây dựng Trạm Kiểm soát số 5 - PC25	Công an thành phố	Huyện Cần Giờ	2008	800m ²	5.500		100	
147	Lập dự án xây dựng Trạm Kiểm soát số 6 - PC25	Công an thành phố	Quận 2	2008	800m ²	2.500		100	
148	Lập dự án xây dựng Trạm Kiểm soát số 4 - PC25	Công an thành phố	Huyện Nhà Bè	2008	800m ²	1.500		100	
149	Lập dự án nâng cấp sửa chữa trụ sở văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quận 3	2008	Sửa chữa trụ sở 2.000m ²	15.000		100	
150	Lập dự án mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm an toàn các sản phẩm điện gia dụng và cơ khí	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Quận 3	2008	Mua sắm thiết bị (1 bộ)	6.000		100	
151	Lập dự án đầu tư Vườn ươm tại Lâm viên sinh thái thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	Quận 2	2008	5ha	5.000		200	
152	Lập dự án ứng dụng công nghệ LiDAR và GIS vào quản lý đô thị TPHCM	Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý	Quận 3	2008	1 mô hình 3D	14.000		100	

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
153	Lập dự án xây dựng Trung tâm Thể dục Thể thao quận 2	Ban QLDA khu vực quận 2	Quận 2	2008	3ha	80.000		400	NS hỗ trợ 20 tỷ để san lấp, tường rào, nhà bảo vệ và lập dự án; Còn lại XHH.
154	Lập dự án đền bù, giải tỏa và tái định cư xây dựng Trung tâm TĐTT quận Thủ Đức	BQLDAĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2008	7ha	70.000	70.000	200	
155	Lập dự án đền bù, giải tỏa xây dựng Trung tâm TĐTT huyện Nhà Bè	BQLDAĐTXD huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	2008	9ha	33.000	33.000	200	Chi đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Nguồn vốn từ tiền đất để lại cho huyện.
156	Lập dự án đầu tư trang thiết bị phần mềm nâng cao năng lực thiết kế ngành cơ khí chế tạo máy	Trung tâm Thiết kế chế tạo Thiết bị mới	Quận 3	2008	10 phần mềm, 1 bộ thiết bị	10.000		100	
157	Lập dự án đền bù giải tỏa khôi phục diện tích của di tích Chùa Gò	Ủy ban nhân dân quận 11	Quận 11	2008	Diện tích 9.000m ²	85.000	85.000	200	Theo ý kiến kết luận của Chủ tịch thành phố tại TB số 755/TB-VP, ngày 17/10/2007

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
158	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng Khu di tích lịch sử Sài Gòn Gia Định	Ban QLDA khu vực ĐTXD huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	50 ha	100.000	100.000	400	Thông báo số 236/TB-VP ngày 17/4/2006 của VP. HĐND và UBND.TP
159	Lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng Nhà Thiếu nhi huyện Hóc Môn	Ban QLDA ĐTXD công trình huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2008	1,5ha	4.000	4.000	100	Chủ đầu tư đề nghị theo quy hoạch (ý kiến của Sở QH-KT tại Văn bản số 3861/SQHKT-QHKV2 ngày 25/9/2007).
160	Lập dự án hiện đại hóa trưng bày Bảo tàng Chứng tích chiến tranh	Bảo tàng Chứng tích chiến tranh	Quận 3	2008	Trang thiết bị	27.000		200	Theo thông báo ý kiến chỉ đạo của UBND.TP tại Thông báo số 367/TB-VP ngày 05/6/2007 của VP. HĐND và UBND.TP
161	Lập dự án hồ cảnh quan mô phỏng Biển Đông (Ba mô hình thu nhỏ)	Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	Ba mô hình thu nhỏ	28.950		200	Theo thông báo ý kiến chỉ đạo của UBND.TP tại Thông báo số 21/TB-UB ngày 08/8/2007 của UBND.TP

Stt	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian hoàn tất việc lập dự án	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Trong đó, đền bù giải tỏa	Kế hoạch năm 2008	Ghi chú
162	Lập dự án chống sạt lở bờ kè sông Sài Gòn	Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	5km	60.000		200	Theo thông báo ý kiến chỉ đạo của UBND.TP tại Thông báo số 586/TB-VP ngày 21/8/2007 của VP. HĐND và UBND.TP
163	Lập điều chỉnh dự án mở rộng Khu di tích lịch sử địa đạo Bến Đình (Ngân sách chỉ hỗ trợ đầu tư hạng mục hạng mục tháp canh PCCC)	Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Củ Chi	2008	Tháp canh PCCC	2.500		50	Theo Văn bản số 7104/UBND-CNN ngày 19/10/2007 của UBND.TP. Tổng mức đầu tư là 4,5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách hỗ trợ đầu đầu tư hạng mục tháp canh PCCC là 2,5 tỷ đồng, phần còn lại sử dụng vốn tự có.
164	Lập dự án đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng mở rộng Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi	Huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	2008	150ha	150.000	150.000	200	Theo thông báo ý kiến chỉ đạo của UBND.TP tại Thông báo số 21/TB-UB ngày 08/8/2007 của UBND.TP

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng